

Số: /KL-STP

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 3 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành quy định pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 12/QĐ-STP ngày 15/02/2022 của Giám đốc Sở Tư pháp về thanh tra chuyên ngành việc chấp hành quy định pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND các xã Bình Hòa, Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; Đoàn Thanh tra Sở Tư pháp đã tiến hành thanh tra tại UBND xã Bình Châu.

Xét Báo cáo số 06/BC-ĐTTr ngày 11/3/2022 của Trưởng Đoàn Thanh tra, ý kiến giải trình của UBND xã Bình Châu; Giám đốc Sở Tư pháp kết luận thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Bình Châu như sau:

I. Khái quát về đặc điểm, tình hình, hoạt động đơn vị

1. Đặc điểm, tình hình đơn vị

Xã Bình Châu nằm về phía đông nam của huyện Bình Sơn, cách trung tâm huyện khoảng 22 km, có diện tích tự nhiên 1.943,12 ha, dân số khoảng 17.500 người; có giới cận: phía đông giáp Biển Đông, phía tây và phía bắc giáp xã Bình Tân Phú, phía nam giáp các xã Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi.

Xác định vai trò và tầm quan trọng của công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch đối với hoạt động quản lý nhà nước; trong năm qua, UBND xã Bình Châu đã quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi để công chức tư pháp - hộ tịch thực thi nhiệm vụ, đáp ứng nhu cầu đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch của công dân. Trong năm 2021, UBND xã đã ban hành kế hoạch và tổ chức tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch và các văn bản hướng dẫn thi hành đến cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn xã; từ đó, góp phần nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng, quyền và nghĩa vụ của công dân trong công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Về biên chế tham mưu công tác tư pháp - hộ tịch: UBND xã Bình Châu bố trí 03 công chức có trình độ chuyên môn phù hợp với tiêu chuẩn của công

chức tư pháp - hộ tịch cấp xã. Tuy nhiên, đến tháng 01 năm 2021, UBND huyện Bình Sơn đã ban hành quyết định biệt phát 01 công chức tư pháp - hộ tịch đến nhận công tác tại UBND xã Bình Hải. Do đó, trên thực tế, UBND xã Bình Châu có 02 công chức tư pháp - hộ tịch thực hiện nhiệm vụ tham mưu về công tác này.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc: UBND xã đã trang bị đầy đủ máy vi tính, máy in, tủ đựng hồ sơ, đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, phục vụ tốt cho nhu cầu của công tác tư pháp - hộ tịch.

2. Kết quả thực hiện

Trong thời kỳ thanh tra (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021), UBND xã Bình Châu đã thực hiện đăng ký 808 sự kiện hộ tịch và chứng thực 378 hợp đồng, giao dịch. Cụ thể:

2.1. Công tác đăng ký hộ tịch

Sự kiện hộ tịch	Năm 2021 (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021)	Ghi chú
Đăng ký khai sinh	297	
Trong đó: - Đúng hạn	204	
- Quá hạn	93	
- Đăng ký lại	0	
Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	183	
Đăng ký kết hôn	103	
Trong đó: - Đăng ký lần đầu	103	
- Đăng ký lại	0	
Đăng ký khai tử	217	
Trong đó: - Đúng hạn	64	
- Quá hạn	153	
- Đăng ký lại	0	
Thay đổi, cải chính hộ tịch	05	
Nhận cha, mẹ con	03	
Tổng cộng	808	

2.2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

Loại hợp đồng, giao dịch	Năm 2021 (từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021)	Ghi chú
Chuyển nhượng	107	
Tặng cho	207	
Thế chấp	0	

Phân chia di sản thừa kế	50	
Các loại hợp đồng, giao dịch khác	14	
Tổng cộng	378	

II. Kết luận thanh tra

Kết quả kiểm tra hồ sơ, sổ sách về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã Bình Châu, cụ thể như sau:

1. Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

1.1. Sổ hộ tịch

UBND xã Bình Châu sử dụng Sổ hộ tịch và giấy tờ hộ tịch theo đúng biểu mẫu về Sổ, giấy tờ hộ tịch do Bộ Tư pháp ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch. Sổ hộ tịch được đóng dấu giáp lai, khóa Sổ đúng theo quy định tại Điều 58 Luật Hộ tịch năm 2014, khoản 2 Điều 29, Điều 36 Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Tuy nhiên, quá trình sử dụng Sổ vẫn còn một số thiếu sót, cụ thể:

- Trường hợp đăng ký khai sinh số 70/2021, sửa năm sinh của người được cấp giấy khai sinh bằng cách ghi đè lên nội dung cần sửa là chưa đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư 04/2020/TT-BTP: *“Trong quá trình đăng ký hộ tịch mà có sai sót trong việc ghi nội dung vào Sổ hộ tịch, công chức làm công tác hộ tịch phải gạch bỏ phần sai sót, ghi sang bên cạnh hoặc lên phía trên, không được chữa đè lên chữ cũ, không được tẩy xóa và viết đè lên chỗ đã tẩy xóa... Cột ghi chú của Sổ hộ tịch phải ghi rõ nội dung sửa chữa sai sót; ngày, tháng, năm sửa; công chức làm công tác hộ tịch ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên. Công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch biết về việc sửa chữa sai sót. Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra, đóng dấu xác nhận vào nội dung sửa chữa sai sót”*.

- Sổ đăng ký khai sinh năm 2021, Sổ đã sử dụng hết nhưng không thực hiện việc khóa Sổ, vi phạm quy định tại Điều 36 Thông tư 04/2020/TT-BTP: *“Ngày khóa sổ trong trường hợp hết sổ mà chưa hết năm là ngày đăng ký sự kiện hộ tịch cuối cùng của sổ... Công chức làm công tác hộ tịch phải thống kê rõ tổng số sự kiện hộ tịch đã đăng ký trong sổ, sổ trường hợp ghi sai sót phải sửa chữa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Thông tư này, sổ trang bị bỏ trống (nếu có). Sau khi thống kê theo quy định tại khoản 2 Điều này, công chức làm công tác hộ tịch phải ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên; báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch ký xác nhận, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu”*.

- Sổ đăng ký khai sinh, còn trường hợp số đăng ký không ghi liên tục theo thứ tự, cụ thể: Liên trước số thứ tự 136 đăng ký ngày 11/6/2021 là số thứ tự 200

đăng ký ngày 29/9/2021 và liền sau là số thứ tự 136 là số thứ tự 201. Việc ghi số đăng ký như trên là chưa đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 29 Thông tư 04/2020/TT-BTP: “Số đăng ký trong năm phải được ghi liên tục theo thứ tự, bắt đầu từ số 01 cho đến hết năm”.

- Một trường hợp, người đi đăng ký khai sinh không ký tên vào Sổ (số 176/2021) là chưa đảm bảo quy định về thủ tục đăng ký khai sinh.

- Sổ đăng ký khai tử, trường hợp các số đăng ký 11, 25, 127, 143, 170, 208/2021, bỏ trống thông tin mục ghi về Giấy báo tử. Việc ghi thông tin vào Sổ hộ tịch, phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Thông tư số 04/2020/TT-BTP. Theo đó, thông tin các cột, mục trong Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch phải được ghi đầy đủ, chính xác theo đúng hướng dẫn trong Sổ hộ tịch và Thông tư của Bộ Tư pháp.

1.2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký hộ tịch

Hồ sơ hộ tịch được lưu trữ cẩn thận, sắp xếp khoa học, thuận tiện cho công tác quản lý, tra cứu, sử dụng về sau; hầu hết các trường hợp đăng ký hộ tịch đều đảm bảo các giấy tờ, thủ tục theo quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp, hồ sơ, thủ tục đăng ký không đúng quy định pháp luật về hộ tịch, cụ thể:

- Hồ sơ đăng ký khai sinh cho người đã có giấy tờ cá nhân:

+ Hầu hết hồ sơ đều không có văn bản cam đoan về việc chưa đăng ký khai sinh, vi phạm quy định về thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có giấy tờ cá nhân tại khoản 3 Điều 8 Thông tư 04/2020/TT-BTP: “Tờ khai đăng ký khai sinh, văn bản cam đoan về việc chưa đăng ký khai sinh; các giấy tờ theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP”.

+ Một số trường hợp, Tờ khai thể hiện hồ sơ gửi kèm gồm Sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân của người yêu cầu đăng ký khai sinh; tuy nhiên, hồ sơ lưu không có hai loại giấy tờ này (hồ sơ đăng ký khai sinh các số 17, 18, 33, 34/2021).

+ Trường hợp đăng ký khai sinh số 170/2021, đăng ký khai sinh cho Nguyễn Thị Út: Trong Tờ khai thể hiện mẹ bà Út tên Trương nhưng nội dung trong Sổ đăng ký khai sinh và văn bản thông tin trao đổi về kết quả tra cứu hồ sơ cư trú tại tàng thư Công an huyện thì ghi bà Út có mẹ tên Trương.

- Hồ sơ đăng ký kết hôn: Trường hợp các số 28, 30/2021, một trong hai bên yêu cầu đăng ký kết hôn thường trú tại địa phương khác nhưng hồ sơ không có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND cấp xã nơi người đó thường trú là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch: “Trường hợp đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã mà người yêu cầu đăng ký kết hôn không thường trú tại xã, phường, thị trấn nơi đăng ký kết hôn thì phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền cấp theo quy định tại các Điều 21, 22 và 23 của Nghị định này”.

- Trường hợp đăng ký nhận cha mẹ con các số 01, 02, 03/2021: Con sinh ra trước thời kỳ hôn nhân và đã được đăng ký khai sinh nhưng bỏ trống thông tin về người cha, sau khi kết hôn, dựa vào văn bản thừa nhận là con chung của vợ chồng, UBND xã thực hiện thủ tục đăng ký nhận cha con là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư 04/2020/TT-BTP: *“Trường hợp con do người vợ sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn, đã được đăng ký khai sinh nhưng không có thông tin về người cha, nay vợ chồng có văn bản thừa nhận là con chung thì không phải làm thủ tục nhận cha, con mà làm thủ tục bổ sung hộ tịch để ghi bổ sung thông tin về người cha trong Sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh của người con”*.

2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

2.1. Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch

UBND xã sử dụng Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch theo đúng biểu mẫu Sổ được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Sổ được đóng dấu giáp lai, khóa Sổ theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

2.2. Hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch

Hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch được lưu trữ cẩn thận, sắp xếp khoa học, thuận tiện cho công tác quản lý, tra cứu, sử dụng về sau. Phần lớn các trường hợp chứng thực hợp đồng, giao dịch đều đảm bảo hồ sơ, thủ tục theo quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp hồ sơ lưu còn thiếu các giấy tờ liên quan đến hợp đồng, giao dịch, cụ thể:

- Trường hợp số 45/2021, chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là Bùi Văn Miên, Trương Thị Vân, Bùi Tấn Diễm, Bùi Tấn Nguyên và bên nhận chuyển nhượng là Trương Văn Nam; hồ sơ lưu thiếu bản sao giấy tờ tùy thân của Trương Thị Vân. Tương tự, trường hợp chứng thực số 314/2021, thiếu bản sao giấy tờ tùy thân của người yêu cầu chứng thực.

- Trường hợp chứng thực các số 170, 155, 172, 303/2021, hồ sơ lưu thiếu bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đối tượng của hợp đồng, giao dịch.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *“Đối với việc chứng thực hợp đồng, giao dịch, cơ quan thực hiện chứng thực phải lưu một bản chính hợp đồng, giao dịch kèm theo hồ sơ; thời hạn lưu trữ là 20 (hai mươi) năm”*. Hồ sơ yêu cầu chứng thực hợp đồng, giao dịch được quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP như sau: *“Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây: a) Dự thảo hợp đồng, giao dịch; b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực; c) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử*

dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng. Bản sao giấy tờ quy định tại Điểm b và Điểm c của Khoản này được xuất trình kèm bản chính để đối chiếu”.

2.3. Hình thức, nội dung hợp đồng, giao dịch

- Toàn bộ hợp đồng, giao dịch chứng thực trong năm 2021, người có thẩm quyền chứng thực đều không ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch, vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *“Đối với hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) trang trở lên thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của hợp đồng, giao dịch. Trường hợp hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai”.*

- Một số trường hợp, UBND xã chỉnh sửa lỗi kỹ thuật trong hợp đồng, giao dịch không đúng quy định, cụ thể: Trường hợp hợp đồng, giao dịch chứng thực các số 27, 29, 35, 37, 41, 301, 305/2021, thực hiện chỉnh sửa lỗi kỹ thuật nhưng không ghi nội dung đã sửa vào bên lề của hợp đồng, giao dịch mà ghi vào chỗ có nội dung cần sửa; không ghi ngày tháng năm sửa và họ tên của người sửa. Theo quy định của khoản 2 Điều 39 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *“Người thực hiện chứng thực gạch chân lỗi sai sót cần sửa, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào bên lề của hợp đồng, giao dịch nội dung đã sửa, họ tên, chữ ký của người sửa, ngày tháng năm sửa”.*

- Trường hợp hợp đồng chứng thực số 305/2021, bên chuyển nhượng gồm 06 người là: Bùi Chinh, Phạm Thị Vân, Bùi Văn Thịnh, Bùi Tịnh, Bùi Thị Hiền, Bùi Văn Linh nhưng tại phần lời chứng của UBND xã thì bên chuyển nhượng chỉ có 05 người là: Bùi Chinh, Phạm Thị Vân, Bùi Văn Thịnh, Bùi Thị Hiền, Bùi Văn Linh (thiếu Bùi Tịnh, dù Bùi Tịnh vẫn ký vào hợp đồng chuyển nhượng với tư cách bên chuyển nhượng).

- Một số trường hợp, thông tin thể hiện trên hợp đồng, giao dịch đã chứng thực không thống nhất với thông tin trên các giấy tờ kèm theo hồ sơ, cụ thể:

+ Hồ sơ số 340/2021, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì quyền sử dụng đất được tặng cho là thửa đất số 1570 nhưng thông tin thể hiện trên hợp đồng là thửa đất số 1750.

+ Hồ sơ số 350/2021, theo giấy chứng tử thì ông Tuya chết ngày 19/01/2021 nhưng nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thể hiện ông Tuya chết ngày 19/11/2021.

+ Trường hợp chứng thực số 30/2021, chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là hộ ông Phạm Ân gồm: Phạm Ân, Tiêu Thị Tuyết, Phạm Thị Tuyết Mai, Phạm Thị Trúc, Phạm Thị Lê, Phạm Thị Đào, Phạm Lực và bên nhận chuyển nhượng là Võ Thị Châu. Nội dung hợp đồng và trang lời chứng đều thể hiện tên Phạm Lực nhưng hồ sơ lưu

không có tên Phạm Lực (hồ sơ lưu có bản sao Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy xác nhận nhân khẩu ghi tên Phạm Lực).

- Một số trường hợp, hợp đồng, giao dịch có ngày chứng thực bằng số không thống nhất với ngày chứng thực bằng chữ, cụ thể: Trường hợp số 343/2021, ngày chứng thực bằng số là 03/11/2021 nhưng ngày chứng thực bằng chữ là “ngày ba, tháng mười hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt”; hồ sơ số 345 và hồ sơ số 346 cùng có ngày chứng thực bằng số là 03/12/2021 nhưng ngày chứng thực bằng chữ là “ngày ba, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt”.

- Hai trường hợp chứng thực các số 135, 136/2021, nội dung lời chứng không phù hợp với mẫu lời chứng chứng thực hợp đồng, giao dịch được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP, cụ thể: Lời chứng của UBND xã là: “*Tại thời điểm chứng thực, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật; mục đích, nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội; các bên cam kết đối tượng hợp đồng này là có thật, các bên đọc hợp đồng này đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng*”. Đối chiếu với mẫu lời chứng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP, lời chứng chứng thực của UBND xã không có nội dung các bên tham gia hợp đồng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của hợp đồng; không có nội dung về việc các bên tham gia hợp đồng minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.

- Hai trường hợp, UBND xã chứng thực văn bản từ chối nhận di sản thừa kế, nội dung văn bản là từ chối nhận di sản thừa kế và tặng cho phần di sản được thừa kế cho một người thừa kế khác, cụ thể:

+ Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế số 42/2021: Văn bản được lập bởi Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Thúy Hồng, Nguyễn Minh Lý; nội dung văn bản thể hiện Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Thúy Hồng, Nguyễn Minh Lý từ chối nhận di sản của bà Lê Thị Định để lại và tặng cho phần di sản được thừa kế cho bà Nguyễn Thị Tuyết.

+ Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế số 41/2021: Văn bản được lập bởi Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Thúy Hồng, Nguyễn Minh Lý; nội dung văn bản thể hiện Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Thúy Hồng, Nguyễn Minh Lý từ chối nhận di sản thừa kế của bà Lê Thị Định để lại và tặng cho phần di sản được thừa kế cho bà ông Nguyễn Minh Cảnh.

Nội dung các văn bản từ chối nhận di sản thừa kế này chưa phù hợp quy định tại Điều 620 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo đó, việc từ chối nhận di sản thừa kế phải được thực hiện trước thời điểm phân chia di sản, sau khi người thừa kế từ chối nhận di sản thừa kế thì những người thừa kế còn lại mới tiến hành thỏa thuận, phân chia di sản thừa kế; người thừa kế đã từ chối nhận di sản thừa kế thì không tặng cho di sản được thừa kế.

III. Nguyên nhân, trách nhiệm

1. Nguyên nhân

Trong năm 2021, lãnh đạo UBND xã Bình Châu đã quan tâm, chỉ đạo thực hiện công tác đăng ký hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch đạt được một số kết quả tích cực. Việc sử dụng Sổ, giấy tờ về hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch đảm bảo theo biểu mẫu quy định; Sổ được đóng dấu giáp lai, khóa Sổ đầy đủ; phần lớn các trường hợp đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch đều tuân thủ theo quy định về trình tự, thủ tục quy định.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, vẫn còn một số thiếu sót như đã phân tích cụ thể tại Mục II Kết luận thanh tra. Nguyên nhân chủ yếu là do trong quá trình thực hiện về công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch, UBND xã đã thiếu thận trọng nên không kiểm tra kỹ hồ sơ, thông tin, giấy tờ kèm theo, dẫn đến thủ tục, nội dung các văn bản, giấy tờ được ban hành chưa đảm bảo quy định.

2. Trách nhiệm

Chủ tịch UBND xã Bình Châu là người có thẩm quyền ký các giấy tờ hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch; là người chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc thực thi công tác này nhưng trong quá trình thực hiện, chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở; chưa có biện pháp chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ đối với công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn xã. Bên cạnh đó, công chức tư pháp - hộ tịch khi tiếp nhận hồ sơ của công dân, chưa hướng dẫn công dân thực hiện đầy đủ theo đúng quy định pháp luật. Do đó, việc thực hiện công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND xã còn một số thiếu sót như đã nêu trên.

IV. Biện pháp xử lý

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản có liên quan, trên cơ sở kết quả thanh tra, xét tính chất và mức độ các sai sót; Giám đốc Sở Tư pháp kiến nghị một số nội dung sau:

1. UBND xã Bình Châu

1.1. Lãnh đạo UBND xã Bình Châu tiếp tục phát huy những kết quả đạt được trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch; đồng thời, nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, sai sót đã nêu tại Mục II Kết luận; thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở công chức tư pháp - hộ tịch trong việc thực hiện công tác này.

Công chức tư pháp - hộ tịch xã cần chủ động, tích cực nghiên cứu các quy định pháp luật về các lĩnh vực được phân công để thực hiện tốt hơn trong việc hướng dẫn, yêu cầu người dân thực hiện quy trình, thủ tục theo đúng quy định pháp luật; từ đó, tham mưu tốt hơn cho lãnh đạo UBND xã trong hoạt động quản lý nhà nước về công tác tư pháp - hộ tịch.

1.2. Đề nghị Chủ tịch UBND xã Bình Châu chỉ đạo công chức tư pháp - hộ tịch tham mưu khắc phục những tồn tại, sai sót; cụ thể:

- Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch:

+ Bổ sung văn bản cam đoan về việc chưa đăng ký khai sinh đối với hồ sơ đăng ký khai sinh cho người đã có giấy tờ cá nhân. Bổ sung bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao Chứng minh nhân dân của người yêu cầu đăng ký khai sinh (*hồ sơ các số 17, 18, 33, 34/2021*).

+ Kiểm tra, xác minh lại trường hợp đăng ký khai sinh số 170/2021, đăng ký khai sinh cho Nguyễn Thị Út để điều chỉnh theo đúng quy định.

+ Những trường hợp đăng ký kết hôn, người yêu cầu đăng ký kết hôn thường trú tại địa phương khác thì phải có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND cấp xã có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

+ Việc sử dụng Sổ hộ tịch phải đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư 04/2020/TT-BTP, cụ thể: Ghi số thứ tự theo khoản 3 Điều 29, sửa chữa sai sót theo khoản 1 Điều 35, khóa Sổ theo Điều 36 Thông tư 04/2020/TT-BTP.

- Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch:

+ Bổ sung các giấy tờ còn thiếu trong hồ sơ chứng thực theo khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, cụ thể: Bổ sung bản sao giấy tờ tùy thân (*hồ sơ chứng thực các số 45, 314/2021*), bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*hồ sơ chứng thực số 303/2021*).

+ Khắc phục theo đúng quy định đối với các trường hợp nội dung, hình thức hợp đồng, giao dịch chưa đảm bảo, cụ thể: Người có thẩm quyền chứng thực phải ký vào từng trang của hợp đồng, giao dịch theo khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; rút kinh nghiệm về việc chỉnh sửa lỗi kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP (*hợp đồng, giao dịch chứng thực các số 27, 29, 35, 37, 41, 301, 305/2021*); bổ sung thành phần bên chuyên nhượng vào trang lời chứng (*hợp đồng chứng thực số 305/2021*).

+ Kiểm tra lại đối với các trường hợp thông tin thể hiện trên hợp đồng, giao dịch đã chứng thực không thống nhất với thông tin trên các giấy tờ kèm theo và các trường hợp có ngày chứng thực bằng số không phù hợp với ngày chứng thực bằng chữ để chỉnh sửa, khắc phục phù hợp (*hợp đồng, giao dịch chứng thực các số 30, 340, 343, 345, 350/2021*).

1.3. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch: Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đăng ký hộ tịch ở địa phương, Lãnh đạo UBND xã Bình Châu và công chức tư pháp - hộ tịch cần nghiên cứu, nắm vững các quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 04/2020/TT-BTP và các văn bản khác có liên quan để giải quyết các yêu cầu của công dân được nhanh chóng, chính xác, đúng quy định của pháp luật.

1.4. Về công tác chứng thực:

- Theo hướng dẫn của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (Bộ Tư pháp) tại Công văn số 842/HTQTCT-CT ngày 26/5/2016 về việc quán triệt thực hiện một số quy định về chứng thực: Theo quy định tại Điều 35 Nghị định số

23/2015/NĐ-CP, người yêu cầu chứng thực phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; người thực hiện chứng thực chịu trách nhiệm về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch. Quy định như vậy không có nghĩa là người thực hiện chứng thực không phải chịu trách nhiệm gì đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội mà với trách nhiệm của một cán bộ, công chức bắt buộc phải biết để từ chối chứng thực theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của người dân và bảo đảm thực hiện đúng quy định pháp luật, khi chứng thực hợp đồng giao dịch, Chủ tịch UBND xã Bình Châu và công chức tư pháp - hộ tịch phải xem xét đến nội dung của hợp đồng, giao dịch, đặc biệt đối với hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất. Với trách nhiệm là cơ quan quản lý đất đai ở địa phương, Chủ tịch UBND xã cần kiểm tra, xác minh để bảo đảm tính hợp pháp của thửa đất là đối tượng của hợp đồng, giao dịch.

- Đối với những trường hợp chứng thực hợp đồng, giao dịch mà đối tượng là quyền sử dụng đất do một người đứng tên (*hồ sơ chứng thực các số 161, 162, 163, 186, 187/2021*) hoặc hợp đồng, giao dịch về chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất trồng lúa (*hồ sơ chứng thực các số 328, 335/2021*), UBND xã phải có trách nhiệm kiểm tra, xác minh để đảm bảo về điều kiện nhận chuyển nhượng, tặng cho đất trồng lúa theo quy định tại khoản 3 Điều 191 Luật Đất đai năm 2013 và hợp đồng, giao dịch về quyền sử dụng đất là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 26, Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khi thực hiện chứng thực hợp đồng giao dịch, tùy vào đối tượng tài sản của hợp đồng, giao dịch, ngoài việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-BTP; các bên tham gia giao dịch và cơ quan có thẩm quyền chứng thực cần phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Đất đai năm 2013, Luật Nhà ở năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- UBND xã Bình Châu có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến để người yêu cầu chứng thực nhận thức rõ trách nhiệm đối với nội dung của hợp đồng, giao dịch và hệ quả pháp lý của việc chứng thực hợp đồng, giao dịch. Trường hợp UBND xã phát hiện tài sản là đối tượng của hợp đồng, giao dịch là tài sản bất hợp pháp hoặc đang có tranh chấp, đã hoặc đang là đối tượng của hợp đồng, giao dịch khác thì cơ quan thực hiện chứng thực lập biên bản vi phạm, giữ lại hồ sơ để đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật theo Điều 21 Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

2. Phòng Tư pháp huyện Bình Sơn

Đề nghị Phòng Tư pháp huyện Bình Sơn tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã,

nhằm phát hiện những sai sót, tồn tại để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục, góp phần nâng cao chất lượng công tác tư pháp địa phương.

V. Tổ chức thực hiện

1. Yêu cầu UBND xã Bình Châu tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra này tại trụ sở làm việc của UBND xã trong 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Trong thời hạn 30 ngày, UBND xã Bình Châu phải báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Sở Tư pháp (qua Thanh tra Sở) để theo dõi, kiểm tra, đôn đốc theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ.

2. Giao Chánh Thanh tra Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo Giám đốc Sở theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND xã Bình Châu;
- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Thanh tra tỉnh;
- Phòng Tư pháp huyện Bình Sơn;
- GD, các PGĐ Sở;
- VP Sở, CTTTr Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, TTr_(nttr).

GIÁM ĐỐC

Tôn Long Hiếu